

Tổng quan

DOI: 10.59715/pntjimp.3.3.3

ĐỐI SÁNH 06 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG THEO MỨC ĐỘ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ QUỐC TẾ

Lưu Nguyễn Đức Hạnh¹, Phạm Hiếu Liêm², Phan Nguyễn Thanh Vân², Đặng Trần Ngọc Thanh², Nguyễn Thị Hoàng Yến³, Nguyễn Thế Dũng²

¹Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

²Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

³Bệnh viện Nhân Dân 115

Tóm tắt

Giới thiệu: Đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành y tế tại TP. Hồ Chí Minh là nhiệm vụ của Đề án thành phần 6 (thuộc Đề án tổng thể đào tạo nhân lực trình độ quốc tế của UBND TP. HCM) mà trong đó các chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng (CTĐT CNĐD) được phân tích đối sánh nhằm xác định các điều kiện để đào tạo CNĐD trình độ quốc tế, cũng như để xác định mức độ đào tạo trình độ quốc tế của các CTĐT này.

Mục tiêu: Đối sánh 06 chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng theo mức độ đào tạo nhân lực trình độ quốc tế.

Phương pháp tiến hành: Lựa chọn, thu thập, lập bảng đối sánh 06 CTĐT CNĐD bao gồm CTĐT ¹của Khoa Điều Dưỡng, trường Đại học Quốc tế Miền Đông ²của Khoa Điều Dưỡng, trường Đại học Y Hà Nội, ³của Khoa Điều Dưỡng, trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, ⁴của Khoa Y Dược, trường Đại học Trà Vinh, ⁵của Khoa Điều Dưỡng và Kỹ Thuật Y Học, trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, và ⁶của Khoa Điều dưỡng, trường Đại học Nguyễn Tất Thành để phân tích đối sánh.

Kết quả: Hai CTĐT CNĐD của trường ĐH Quốc tế Miền Đông và trường ĐH Y Hà Nội (chương trình tiên tiến) do có tăng thời gian đào tạo chung từ 0,5 năm đến 01 năm để tăng cường trình độ ngoại ngữ của người học, đồng thời vừa dạy - học bằng tiếng Việt và tiếng Anh nên đáp ứng hầu hết các điều kiện của CTĐT về cấu trúc, về trình độ ngoại ngữ và về các đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế và do vậy được xem là có Mức độ Sẵn sàng trong đào tạo CNĐD trình độ quốc tế. CTĐT CNĐD của trường Đại học Nguyễn Tất Thành có tăng cường khối lượng kiến thức về Anh ngữ nhằm nâng cao trình độ ngoại ngữ của người học, đồng thời vừa dạy - học bằng tiếng Việt và tiếng Anh nên đáp ứng được một phần của các điều kiện (đã nêu ở trên) và được xem là có Mức độ Thuận lợi trong đào tạo CNĐD trình độ quốc tế. Hai CTĐT CNĐD của trường ĐH Y Dược Thái Nguyên và trường ĐH Trà Vinh (đã đạt chuẩn kiểm định AUN-QA/Asean University Network - Quality Assurance) cũng chỉ đáp ứng được một phần của các điều kiện (đã nêu ở trên) nên được xem là có Mức độ Thuận lợi trong đào tạo CNĐD trình độ quốc tế. CTĐT CNĐD của trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch đáp ứng khá ít các điều kiện (đã nêu ở trên) nên được xem là có Mức độ Chưa sẵn sàng trong đào tạo CNĐD trình độ quốc tế.

Kết luận: Trong việc đào tạo CNĐD trình độ quốc tế, CTĐT có tăng cường thời gian dạy - học để nâng cao trình độ ngoại ngữ của người học, đồng thời có 1 phần của CTĐT được chuyển tải bằng ngoại ngữ được xem là có Mức độ Sẵn sàng. CTĐT có tăng cường khối lượng kiến thức về ngoại ngữ để nâng cao trình độ ngoại ngữ của người học, đồng thời có 1 phần của CTĐT được chuyển tải bằng ngoại ngữ cùng với các CTĐT đã đạt chuẩn kiểm định quốc tế được xem là có Mức độ Thuận lợi. CTĐT khác với hai loại CTĐT trên thường được xem là có Mức độ Chưa sẵn sàng.

Ngày nhận bài:

09/5/2024

Ngày phản biện:

20/6/2024

Ngày đăng bài:

20/7/2024

Tác giả liên hệ:

Lưu Nguyễn Đức Hạnh

Email:

ldhanh@ntt.edu.vn

ĐT: 0899164489

Từ khóa: Chương trình đào tạo; Cử nhân Điều dưỡng; Đào tạo trình độ quốc tế.

Abstract

Benchmarking of 06 training programs of bachelor of science of nursing with their levels of internationalisation of education

Introduction: Internationalisation of education for medical human resources in Ho Chi Minh City is the responsibility of the Component Project 6 (belongs to “Overall Project of Internalisation of education/training for human resources” of People’s Committee of Ho Chi Minh City) in which Bachelor of Science in Nursing (BSN) training programs are benchmarked in order to identify the necessary requirements of internationalisation of education for BSN nurses, and to identify the level of internationalisation of education of these programs.

Objective: To benchmark six BSN training programs in order to identify the level of internationalisation of education of these programs.

Methods: 06 BSN training programs were chosen ¹from Faculty of Nursing - Eastern International University, ²from Faculty of Nursing - Hanoi Medical University, ³from Faculty of Nursing - Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy; ⁴from Faculty of Medicine and Pharmacy, Tra Vinh University, ⁵from Faculty of Nursing and Medical Technology, Pham Ngọc Thạch University of Medicine, and ⁶from Faculty of Nursing, Nguyen Tat Thanh University. Information about these programs were collected mostly from the official websites of these universities, and the benchmarking table was designed and completed. Then the table was analyzed and benchmarked.

Results: Two BSN training programs of Eastern International University (EIU) and of Hanoi Medical University (HNU), which have longer time of training (one year with EIU and 0,5 year with HNU), with the purposes of increasing students’ English proficiency and delivery part of the training program in English to students, meet most of the requirements of the program in (1) structure, (2) foreign language proficiency, (3) characteristics of identification of internationalized human resource. They are considered to be of Ready Level in internationalisation of education for BSN nurses. BSN training program of Nguyen Tat Thanh University, which increases the study volume of English language with the purpose of increasing students’ English proficiency and delivery part of the training program in English to students, together with 02 BSN training programs of Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy and of Tra Vinh University (which have got AUN-QA accreditation certification) meet a part of the above requirements and are considered to be of Favorite Level in internationalisation of education for BSN nurses. BSN training program of Pham Ngoc Thach University of Medicine meets just a small part of the above requirements and is considered to be of Unready Level in internationalisation of education for BSN nurses.

Conclusion: In the process of internationalisation of education for BSN nurses, those training programs which have longer time of training with the purpose of increasing students’ English proficiency along with delivery of lessons in English, are considered of Ready Level; those which have a bigger study volume of English along with delivery of lessons in English, together with those which have AUN-QA accreditation certifications are considered of Favorite Level; others are considered of Unready Level.

Keywords: BSN training program, BSN nurses, Internationalisation of education.

I. GIỚI THIỆU

Hội nhập và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo luôn được Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm, đẩy mạnh. Chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo là một trong những nhiệm vụ, giải pháp

được khẳng định tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và

hội nhập quốc tế”. Nhiệm vụ này được triển khai thực hiện theo Đề án “Hội nhập quốc tế về giáo dục và dạy nghề đến năm 2020” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 2448/QĐ-TTg ngày 16/12/2013 với mục tiêu chung của đề án là “Đến năm 2020, phát triển một số cơ sở giáo dục đại học và dạy nghề đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và thế giới;...” [1]. Nhằm tăng cường chất lượng đào tạo đại học, Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 69/QĐ-Ttg ngày 15/01/2019 với 1 trong các quan điểm chỉ đạo là “Chủ động hội nhập quốc tế giáo dục đại học...” [2].

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ quan trọng của phía Nam nói riêng và cả nước nói chung nên việc hội nhập quốc tế về giáo dục luôn có được sự quan tâm của lãnh đạo thành phố. Sự quan tâm này đối với công tác đào tạo nhân lực trình độ đại học và sau đại học được thể hiện qua “Đề án tổng thể đào tạo nhân lực trình độ quốc tế (08 ngành: 1. Công nghệ thông tin - truyền thông; 2. Cơ khí - Tự động hóa; 3. Trí tuệ nhân tạo; 4. Quản trị doanh nghiệp; 5. Tài chính - Ngân hàng; 6. Y tế; 7. Du lịch; 8. Quản lý đô thị) giai đoạn 2020 - 2035 và Đại học chia sẻ” được UBND TP. HCM phê duyệt theo Quyết định số 2426/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 với 1 trong các quan điểm chỉ đạo là “Chủ động hội nhập quốc tế giáo dục đại học.”. Đề án tổng thể này có mục tiêu liên quan đến việc thiết kế, tổ chức và thực hiện 9 đề án thành phần mà trong đó việc đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành Y tế là nhiệm vụ của Đề án thành phần 6 [3].

Cử nhân Điều dưỡng (CNĐD) được xem là một trong những nhân lực quan trọng nhất của ngành y tế về cả số lượng và chất lượng và là 1 trong các đối tượng nhân lực cần được xem xét trong Đề án thành phần 6, nghĩa là xem xét việc đào tạo CNĐD trình độ quốc tế. Tính đến tuyển sinh năm 2022, Việt Nam có khoảng 46 trường đại học có đào tạo CNĐD với khoảng 47 chương trình đào tạo (CTĐT) CNĐD (do ít nhất có 1 trường có nhiều hơn 1 CTĐT đối

tượng này) [4]. Để góp phần triển khai Đề án thành phần 6 do trường đại học y khoa Phạm Ngọc Thạch (ĐHYK PNT) phụ trách chúng tôi tiến hành khảo sát phân tích đối sánh này với mục tiêu “Đối sánh 06 chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng theo mức độ đào tạo nhân lực trình độ quốc tế” nhằm tìm lời giải cho câu hỏi “CTĐT CNĐD tại các trường đại học tại Việt Nam có mức độ đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ra sao?”

Kết quả của khảo sát phân tích đối sánh này có thể giúp xác định các điều kiện cần và đủ để đào tạo nhân lực trình độ quốc tế của 01 CTĐT CNĐD, cũng như mức độ đào tạo nhân lực trình độ quốc tế của CTĐT này trong khuôn khổ Đề án thành phần 6.

II. PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

1. Lựa chọn CTĐT

Với hướng tiếp cận “đào tạo nhân lực bậc đại học có trình độ quốc tế” của đề án tổng thể (Đề án tổng thể đào tạo nhân lực trình độ quốc tế của UBND TP. HCM), việc lựa chọn 06 CTĐT CNĐD để đối sánh đã được thực hiện và có các đặc điểm sau đây:

(1) CTĐT của Khoa Điều Dưỡng, trường Đại Học Quốc Tế Miền Đông (gọi tắt là QTMD) có tham khảo CTĐT của đại học Minnesota, Hoa Kỳ. CTĐT này chưa được kiểm định quốc tế. Thời gian đào tạo là 5,0 năm với năm thứ I tập trung học ngoại ngữ (Anh ngữ), được triển khai hoàn toàn tại Việt Nam.

CTĐT này có mục tiêu chung như sau:

“Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tận tâm với nghề; có kiến thức, kỹ năng thực hành và tư duy nghề nghiệp; có khả năng tham gia và quản lý các hoạt động điều dưỡng, có trình độ ngoại ngữ đáp ứng các yêu cầu của các bệnh viện trong nước và quốc tế; có năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học công nghệ trong việc chăm sóc người bệnh, phục hồi chức năng và giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình; có khả năng làm việc trong môi trường y tế đa dạng và tự học nâng cao chuyên môn để thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ; có ý thức phục vụ cộng đồng.”

(2) CTĐT của Khoa Điều Dưỡng, trường Đại Học Y Hà Nội (gọi tắt là HN) dựa trên khung CTĐT của đại học tổng hợp California - Long Beach, Hoa Kỳ. CTĐT này là CTĐT tiên tiến và chưa được kiểm định quốc tế. Thời gian đào tạo là 4,5 năm, được triển khai hoàn toàn tại Việt Nam.

CTĐT này có mục tiêu chung như sau:

“Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có ý đức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức chuyên ngành, có kỹ năng thực hành điều dưỡng an toàn theo qui định của pháp luật; có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng làm việc độc lập và khả năng làm việc nhóm, hợp tác với đồng nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe; có khả năng tự học tập và nghiên cứu phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng.” Thời gian đào tạo là 4,0 năm.

(3) CTĐT của Khoa Điều Dưỡng, trường Đại Học Y Dược Thái Nguyên (gọi tắt là TN): CTĐT này đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng AUN-QA năm 2021. Thời gian đào tạo là 4,0 năm, được triển khai hoàn toàn tại Việt Nam.

CTĐT này có mục tiêu chung như sau:

“Đào tạo Điều dưỡng trình độ đại học có năng lực thực hành nghề nghiệp đáp ứng được

Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt nam; chăm sóc sức khỏe toàn diện cho cá nhân, gia đình và cộng đồng một cách an toàn, kịp thời, liên tục và hiệu quả trên cơ sở kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; có sức khỏe, tác phong hành nghề chuyên nghiệp dựa trên những chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm phù hợp với bối cảnh kinh tế - văn hóa - xã hội; chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân trong hành nghề điều dưỡng, có năng lực nghiên cứu khoa học và tự học suốt đời; sẵn sàng thích ứng với thay đổi nhu cầu chăm sóc sức khỏe của cộng đồng và hội nhập quốc tế.”

(4) CTĐT của Khoa Y - Dược, trường Đại học Trà Vinh (gọi tắt là TV): đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng AUN-QA năm 2021. Thời gian đào tạo là 4,0 năm, được triển khai hoàn toàn tại Việt Nam.

CTĐT này có mục tiêu chung như sau:

“Đào tạo sinh viên trở thành người:

- Ứng dụng thực hành dựa vào bằng

chứng trong chăm sóc và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng; trở thành nguồn nhân lực có chất lượng cho ngành Y tế Việt Nam

- Quản lý và phát triển nghề nghiệp theo y đức, sáng tạo phù hợp môi trường làm việc.

- Nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu suốt đời cho sự phát triển bản thân và ngành điều dưỡng

- Phát triển năng lực quốc tế để kết nối ngành Điều dưỡng Việt Nam với Thế giới.”

(5) CTĐT của Khoa Điều Dưỡng và Kỹ thuật Y học, trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (gọi tắt là PNT): là CTĐT tiêu chuẩn* và chưa được kiểm định quốc tế. Thời gian đào tạo là 4,0 năm, được triển khai hoàn toàn tại Việt Nam.

CTĐT này có mục tiêu chung như sau:

“Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học, hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.”

(6) CTĐT của Khoa Điều Dưỡng, trường Đại Học Nguyễn Tất Thành (gọi tắt là NTT): là CTĐT tiêu chuẩn* và chưa được kiểm định quốc tế. Thời gian đào tạo là 4,0 năm, được triển khai hoàn toàn tại Việt Nam.

CTĐT này có mục tiêu chung như sau:

“Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức chuyên môn vững chắc khả năng nghiên cứu khoa học và tự học vươn lên; có sức khỏe nhằm đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.”

(* CTĐT tiêu chuẩn là CTĐT xây dựng theo “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam” theo quyết định số 1352/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 24/4/2012 hoặc theo quyết định số 3474/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 28/12/2022, và theo “Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học” theo thông tư số 17/2021/TT-GDĐT của Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành ngày 22/6/2021)

2. Thu thập CTĐT

06 CTĐT CNDD được thu thập trong tháng 6 - 8/2023 qua cách truy lục, rà soát các trang web chính thức của trường ĐHQT Miền Đông [5], Khoa Điều Dưỡng, trường ĐH Y Hà Nội [6], Khoa Điều Dưỡng, trường ĐH Y Dược Thái Nguyên [7], Khoa Y Dược, trường ĐH Trà Vinh [8], Khoa Điều Dưỡng và Kỹ thuật Y học, trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch [9], Khoa Điều Dưỡng, trường ĐH Nguyễn Tất Thành [10] để tải về CTĐT và tìm thêm thông tin có liên quan.

3. Xử lý và Phân tích

Mô tả CTĐT

06 CTĐT của 6 trường đã được rà soát, chọn lọc, phân tích tất cả các thông tin có trong bản tải về cũng như các thông tin phải truy lục thêm trên các trang web của các trường để tổng hợp thành 06 bản mô tả CTĐT CNDD với 07 phần như sau:

+ Thông tin chung: Căn cứ thiết lập CTĐT, Ngôn ngữ đào tạo, Thời gian đào tạo, Khối lượng kiến thức toàn khóa, Chuẩn đầu vào

+ Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của CTĐT

+ Phương pháp Giảng dạy và Học tập

+ Phương pháp Kiểm tra và Đánh giá (Lượng giá)

+ Tổ chức đào tạo - Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

+ Vị trí việc làm và Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

+ Nội dung chương trình: Cấu trúc chung của CTĐT, Cấu trúc và Nội dung phần Giáo dục đại cương, Cấu trúc và Nội dung phần Kiến thức cơ sở ngành, Cấu trúc và Nội dung phần Kiến thức ngành và chuyên ngành.

Thiết kế khung đối sánh và thiết lập bảng đối sánh CTĐT CNDD

Để chuẩn bị cho việc đối sánh, khung đối sánh CTĐT CNDD được thiết kế nhằm thống nhất các mục (sections) và các khoản (items) được đối sánh của 06 CTĐT CNDD. Khung đối

sánh này được thiết kế dựa trên cấu trúc của bản mô tả CTĐT (đã điều chỉnh) của QTMD. Khung có 10 mục bao gồm 15 khoản và được phân bố theo 03 phần nhằm thể hiện các đặc điểm liên quan đến CTĐT, đặc biệt theo hướng tiếp cận “đào tạo nhân lực bậc đại học có trình độ quốc tế”, như sau:

+ Đối sánh theo phương thức cấu trúc của CTĐT

+ Đối sánh theo các yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của CTĐT

+ Đối sánh theo các đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế (phần này có sử dụng 1 số đặc trưng qui định trong đề án tổng thể đào tạo nhân lực quốc tế ban hành kèm theo quyết định số 2426/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND TP. HCM).

Bảng đối sánh được thiết lập dựa trên khung đối sánh và bản mô tả của 06 CTĐT CNDD (của QTMD, HN, TN, TV, PNT và NTT). Thông tin từ các bản mô tả CTĐT được sử dụng để điền vào khung đối sánh nhằm hoàn thành bảng đối sánh 06 CTĐT CNDD, qua đó việc phân tích đối sánh được tiến hành.

Phân tích đối sánh

Việc phân tích đối sánh các mức độ đào tạo CNDD theo trình độ quốc tế được tiến hành theo các mục và khoản đã được phân nhóm của bảng đối sánh 06 CTĐT CNDD.

Mức độ đào tạo CNDD theo trình độ quốc tế được phân loại như sau:

+ Mức độ Sẵn sàng: có khả năng đào tạo CNDD trình độ quốc tế (có khả năng làm việc tại các bệnh viện quốc tế.)

+ Mức độ Thuận lợi: có khả năng tiếp cận với việc đào tạo CNDD trình độ quốc tế (có thể có khả năng làm việc tại các bệnh viện quốc tế.)

+ Mức độ Chưa sẵn sàng: chưa có khả năng tiếp cận với việc đào tạo CNDD trình độ quốc tế (chưa có khả năng làm việc tại các bệnh viện quốc tế.)

III. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

1. Đối sánh theo phương thức cấu trúc của CTĐT

Bảng 1: Đối sánh theo phương thức cấu trúc của CTĐT CNDD

		QTMD	HN	TN	TV	PNT	NTT
I	Loại hình CTĐT						
1	Chất lượng cao/ Tiên tiến		X				
2	Tiêu chuẩn	X		X	X	X	X
II	Căn cứ thiết lập						
3	Có tham khảo CTĐT nước ngoài	X	X				
4	CTĐT hoàn toàn theo chuẩn của Việt Nam				X	X	X
III	Thời gian đào tạo	05 năm	4,5 năm	04 năm	04 năm	04 năm	04 năm
IV	Khối lượng kiến thức toàn khoá (Không tính phần GDĐC)	161 tín chỉ	132 tín chỉ	109 tín chỉ	102 tín chỉ	111 tín chỉ	112 tín chỉ
V	Mục tiêu của CTĐT (Có đề cập đến đào tạo CNDD trình độ quốc tế/ làm việc tại các bệnh viện quốc tế)	Có	Không	Không	Không	Không	Không

Nhận xét

+ CTĐT của QTMĐ là CTĐT tiêu chuẩn nhưng có tham khảo CTĐT nước ngoài, có thời gian đào tạo là 05 năm (nhiều hơn 01 năm so với các CTĐT CNĐD tiêu chuẩn khác) với năm I dành cho việc học ngoại ngữ (Anh ngữ). Mục tiêu của CTĐT này phát biểu rõ là “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tận tâm với nghề; có kiến thức, kỹ năng thực hành ..., có trình độ ngoại ngữ đáp ứng các yêu cầu của các bệnh viện trong nước và quốc tế...”

+ CTĐT của HN là CTĐT tiên tiến, được xây dựng dựa trên khung CTĐT của đại học tổng hợp California - Long Beach, Hoa Kỳ, có thời gian đào tạo là 4,5 năm (nhiều hơn 0,5 năm so với các CTĐT CNĐD tiêu chuẩn). Mục tiêu của CTĐT này không đề cập đến “đào tạo CNĐD trình độ quốc tế”.

+ CTĐT của TN, TV, PNT và NTT là CTĐT tiêu chuẩn trong đó CTĐT của TN và TV đã đạt chuẩn kiểm định quốc (AUN-QA). Mục tiêu của 04 CTĐT này đều không đề cập đến “đào tạo CNĐD trình độ quốc tế” tuy nhiên mục tiêu của CTĐT của PNT và TN có đề cập đến “hội nhập quốc tế”, và CTĐT của TV có đề cập đến “phát triển năng lực quốc tế”

Bàn luận

Với hướng tiếp cận “đào tạo nhân lực bậc đại học có trình độ quốc tế”, xét theo phương thức cấu trúc của CTĐT CNĐD thì CTĐT nào có thời gian đào tạo dài hơn 01 năm (so với

CTĐT tiêu chuẩn) nhằm tăng cường ngoại ngữ cho người học, và có mục tiêu chung nhằm đào tạo CNĐD đáp ứng các yêu cầu của các bệnh viện quốc tế sẽ là CTĐT có cơ hội và khả năng cao trong việc đào tạo CNĐD trình độ quốc tế. CTĐT của QTMĐ là minh chứng cho trường hợp này và được xem là có Mức độ Sẵn sàng trong đào tạo CNĐD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này.

Các CTĐT tiên tiến với thời gian đào tạo dài hơn 0,5 năm so với CTĐT tiêu chuẩn (khả năng là để tăng cường ngoại ngữ cho người học), và các CTĐT đạt chuẩn kiểm định quốc tế (AUN-QA) tuy có mục tiêu chung không đề cập đến đào tạo CNĐD trình độ quốc tế nhưng có đề cập đến hội nhập quốc tế hoặc phát triển năng lực quốc tế cũng cho thấy các CTĐT này phần nào hướng đến khả năng đào tạo CNĐD trình độ quốc tế. CTĐT của HN, TN và TV là minh chứng cho các trường hợp này và được xem là có Mức độ Thuận lợi trong đào tạo CNĐD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này.

Việc các CTĐT CNĐD của trường PNT và NTT, là CTĐT tiêu chuẩn, có thời gian đào tạo 04 năm, chưa được kiểm định quốc tế, và có mục tiêu chung không đề cập đến đào tạo CNĐD trình độ quốc tế cho thấy khả năng giới hạn của hai CTĐT này trong việc “đào tạo nhân lực bậc đại học có trình độ quốc tế” và được xem là có Mức độ Chưa sẵn sàng xét theo phương thức đối sánh này.

2. Đối sánh theo các yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của CTĐT
Bảng 2. Đối sánh các yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của CTĐT CNĐD

VI	Ngôn ngữ đào tạo	QTMD	HN	TN	TV	PNT	NTT
8	Tiếng Việt và tiếng Anh	X	X				X
9	Chỉ tiếng Việt			X	X	X	
VII 10	Yêu cầu trình độ ngoại ngữ đầu vào	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu
VIII 11	Loại ngoại ngữ Số tín chỉ ngoại ngữ (Học kỳ học)	Không tính (chỉ cần đạt IELTS 6.0)	Anh ngữ 27 tín chỉ (1 và 2)	Anh ngữ 10 tín chỉ (1, 2, 3, 4, 5)	Anh ngữ 13 tín chỉ (1, 2, 3, 4)	Anh ngữ 04 – 06 tín chỉ (2)	Anh/Nhật/Đức 18 tín chỉ (1, 2, 3)
IX 12	Điều kiện về trình độ ngoại ngữ khi tốt nghiệp	Trình độ IELTS tối thiểu 6.0 trước khi tốt nghiệp.	Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 trong khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Đạt năng lực ngoại ngữ 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Đạt năng lực ngoại ngữ 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Đạt năng lực ngoại ngữ từ 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

Nhận xét

+ CTĐT CNĐD của QTMĐ có điều kiện về trình độ ngoại ngữ (Anh ngữ) khi tốt nghiệp của người học khá cao: trình độ Anh ngữ tối thiểu là IELTS 6.0 (tương đương mức B2 theo CEFR), trong khi các 05 CTĐT CNĐD còn lại chỉ yêu cầu trình độ ngoại ngữ (Anh ngữ) tương đương hoặc từ 3/6 trở lên (theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam), nghĩa là tương đương B1 theo CEFR (khung tham chiếu Châu Âu).

+ Chỉ có CTĐT của QTMĐ, HN và NTT được giảng dạy bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Các CTĐT còn lại chỉ sử dụng tiếng Việt.

+ Tất cả 06 CTĐT CNĐD đều không đặt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ khi vào học.

Bàn luận

Với hướng tiếp cận “đào tạo nhân lực bậc đại học có trình độ quốc tế”, xét theo yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của CTĐT CNĐD thì CTĐT nào có điều kiện trình độ ngoại ngữ khi tốt nghiệp khá cao (tối thiểu là B2 theo khung CEFR) thì CTĐT này mới có thể giúp “đào tạo nhân lực bậc đại học có trình độ quốc tế” hiệu quả. Điều kiện này cần thiết là do trong tiến trình đào tạo có sử dụng ngôn ngữ nước ngoài và trình độ tối thiểu B2 (theo khung CEFR) khi

tốt nghiệp giúp người học giao tiếp, làm việc hiệu quả hơn trong môi trường quốc tế. Tuy rằng người học phải mất thêm 01 năm nhưng CTĐT của QTMĐ cũng là minh chứng cho điều kiện này và được xem là có Mức độ Sẵn sàng trong đào tạo CNĐD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này.

Việc tăng cường số lượng tín chỉ ngoại ngữ (27 tín chỉ Anh ngữ của CTĐT của HN và 18 tín chỉ Anh ngữ của CTĐT của NTT) ở thời gian đầu khoá học (học kỳ 1, 2, 3), giúp người học sớm có trình độ Anh ngữ tương đương cấp độ B1 cũng giúp 1 phần cho việc dạy–học với tiếng Anh của CTĐT của HN và NTT; đây là điểm tích cực của hai CTĐT này và được xem là có Mức độ Thuận lợi trong đào tạo CNĐD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này.

Các CTĐT không có yêu cầu về trình độ ngoại ngữ đầu vào, số tín chỉ ngoại ngữ không cao và chỉ yêu cầu trình độ ngoại ngữ khi tốt nghiệp ở mức độ B1 theo CEFR sẽ làm giới hạn đáng kể việc đào tạo CNĐD trình độ quốc tế của các trường và các CTĐT này được xem là có Mức độ Chưa sẵn sàng trong đào tạo CNĐD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này.

3. Đối sánh theo các đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế
Bảng 3. Đối sánh theo đặc trưng nhận dạng của CTĐT CNDD trình độ quốc tế

X	Đặc trưng	QTMD	HN	TN	TV	PNT	NTT
13	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	Có thể làm việc tại các cơ sở y tế công lập và tư nhân, đặc biệt là các bệnh viện quốc tế trong và ngoài nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc tại bệnh viện các tuyến cũng như chăm sóc sức khỏe ở cộng đồng, gia đình - Trợ giảng ở các khoa, bộ môn điều dưỡng ở các trường Trung cấp, Cao đẳng và Đại học - Làm việc ở các bệnh viện quốc tế trong nước và ở nước ngoài. 	Các cơ quan quản lý nhà nước về y tế, các cơ sở Y tế công lập và ngoài công lập, các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp y tế.	Cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu của các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp, viện nghiên cứu; Làm việc tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân; tổ chức chăm sóc sức khỏe tại nhà, Y tế cơ quan (trường học, xí nghiệp,...); cơ sở chăm sóc người cao tuổi tại Việt Nam và các nước trên thế giới.	+ Đảm nhiệm được các vị trí công tác tại các cơ sở y tế + Tham gia nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về y, dược, và các viện, trung tâm nghiên cứu.	Có thể đảm nhận các công việc tại các bệnh viện công lập và ngoài công lập, các phòng khám bệnh, các phòng chăm sóc điều dưỡng (SPA), các Trung tâm y tế, Trung tâm y tế dự phòng, các Viện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và chăm sóc trẻ khuyết tật, các y tế cơ quan xí nghiệp, trường học.
14	Đáp ứng yêu cầu việc làm có tính quốc tế sau khi được đào tạo.	X	X		X		
15	Sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong môi trường quốc tế	X	X				

Nhận xét

+ CTĐT của QTMĐ và HN cho biết người học sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các bệnh viện quốc tế trong nước và ngoài nước và như vậy có khả năng đáp ứng yêu cầu việc làm có tính quốc tế và có khả năng sử dụng ngoại ngữ (Anh ngữ) thành thạo tại các nơi làm việc này.

+ CTĐT của TV cho biết người học sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các cơ sở chăm sóc người cao tuổi trong nước và ngoài nước và như vậy cũng có thể có khả năng đáp ứng yêu cầu việc làm có tính quốc tế.

+ CTĐT của TN, PNT và NTT chỉ cho biết người học sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các cơ sở công lập hoặc ngoài công lập tại Việt Nam và như vậy chưa thể đáp ứng các đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế.

Bàn luận

Với hướng tiếp cận “đào tạo nhân lực bậc đại học có trình độ quốc tế”, xét theo yêu cầu về các đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế thì CTĐT CNĐD của QTMĐ đáp ứng khá tốt các yêu cầu này. Với trình độ Anh ngữ ở cấp độ B2 (theo CEFR), đã được dạy–học bằng tiếng Việt và tiếng Anh, người học CTĐT này sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng hầu hết các đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế. Như vậy, CTĐT này được xem là có Mức độ Sẵn sàng trong đào tạo CNĐD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này. Tương tự, CTĐT tiên tiến của HN, tuy chỉ yêu cầu trình độ Anh ngữ B1 khi tốt nghiệp, nhưng đã trang bị vốn Anh ngữ cho người học từ lúc bắt đầu, có dạy–học bằng tiếng Việt và tiếng Anh, người học sau khi tốt nghiệp cũng đáp ứng hầu hết các đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế.

CTĐT của TV chỉ đáp ứng 1 phần các đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế nên được xem là có Mức độ Thuận lợi trong đào tạo CNĐD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này.

CTĐT của TN, PNT và NTT hầu như chưa đáp ứng được đặc trưng nhận dạng của nhân lực

trình độ quốc tế nào nên các CTĐT này được xem là có Mức độ Chưa sẵn sàng trong đào tạo CNĐD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này.

III. KẾT LUẬN

Qua đối sánh 06 CTĐT CNĐD của trường ĐH Quốc tế Miền Đông, trường ĐH Y Hà Nội, trường ĐH Y Dược Thái Nguyên, trường ĐH Trà Vinh, trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch và trường ĐH Nguyễn Tất Thành có thể xác định mức độ đào tạo nhân lực (mà ở đây là CNĐD) trình độ quốc tế như sau:

- Mức độ Sẵn sàng thuộc về các CTĐT có thời gian đào tạo dài hơn 04 năm (4,5 hoặc 5 năm) và/hoặc có tăng cường khối lượng kiến thức về ngoại ngữ để nâng cao trình độ ngoại ngữ (Anh ngữ) ngay đầu khoá đào tạo cho người học để có thể áp dụng hình thức dạy–học vừa bằng tiếng Việt, vừa bằng tiếng Anh, chuẩn bị cho họ khả năng làm việc tại các bệnh viện, cơ sở y tế quốc tế trong và ngoài nước sau khi tốt nghiệp. CTĐT CNĐD của trường ĐH Quốc tế Miền Đông, CTĐT CNĐD tiên tiến của trường ĐH Y Hà Nội, và CTĐT CNĐD của trường Đại học Nguyễn Tất Thành được xem là thuộc mức độ này.

- Mức độ Thuận lợi thuộc về các CTĐT có phần nào đó có hướng chuẩn bị cho người học khả năng làm việc tại các môi trường quốc tế (qua mô tả vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp), kèm với việc đã đạt chuẩn kiểm định AUN-QA (một loại chuẩn kiểm định quốc tế) cũng góp phần tích cực cho tiền đề đào tạo nhân lực trình độ quốc tế về sau cho các CTĐT này. CTĐT của trường ĐH Trà Vinh được xem là thuộc mức độ này.

- Mức độ Chưa sẵn sàng thuộc về các CTĐT chưa có hướng chuẩn bị cho người học khả năng làm việc tại các môi trường quốc tế (qua tăng cường khả năng ngoại ngữ, qua mô tả vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp), CTĐT của trường ĐH Y Dược Thái Nguyên và của trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch v được xem là thuộc mức độ này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2013), Quyết định 2248/QĐ-Ttg ngày 16/12/2013, Đề án “Hội nhập quốc tế về giáo dục và dạy nghề đến năm 2020”
2. Chính phủ (2019), Quyết định 69/QĐ-Ttg ngày 15/01/2019, Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019–2025”.
3. UBND TP. HCM (2021), Quyết định 2426/QĐ-UBND ngày 05/7/2021, Đề án “Đề án tổng thể đào tạo nhân lực trình độ quốc tế (08 ngành: 1. Công nghệ thông tin - truyền thông; 2. Cơ khí - Tự động hóa; 3. Trí tuệ nhân tạo; 4. Quản trị doanh nghiệp; 5. Tài chính - Ngân hàng; 6. Y tế; 7. Du lịch; 8. Quản lý đô thị) giai đoạn 2020 - 2035 và Đại học chia sẻ”.
4. “Điểm thi. Tuyển sinh 247.com” (2023), Danh sách trường đào tạo Y Dược, <https://diemthi.tuyensinh247.com/tu-van-chon-truong/tinh0-loaidaotao0-bacdaotao0-tongdiem0-khoi11-nhomnganh23.html>, 15/8/2023.
5. Trường Đại học Quốc tế Miền Đông, “Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Điều Dưỡng (2018)”. <https://eiu.edu.vn/hoc-tap/nganh/dieu-duong/>, 22/6/2023
6. Trường Đại học Y Hà Nội (2022), “Chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng chương trình tiên tiến”, <https://hmu.edu.vn/p/b7d6c0b1-18ca-4884-bb87-bef8fa5ab01a/dao-tao-cu-nhan-dieu-duong-chuong-trinh-tien-tien>, 22/6/2023
7. Trường ĐHY Dược Thái Nguyên (2022), “Khung chương trình đào tạo điều dưỡng trình độ đại học”, <https://tump.edu.vn/post/ban-hanh-khung-chuong-trinh-dao-tao-nganh-dieu-duong-trinh-do-dai-hoc-nam-2022>, 24/6/2023.
8. Khoa Y Dược – Trường ĐH Trà Vinh (2021), “Đặc tả chương trình Điều dưỡng”, <https://khoay.tvu.edu.vn/?p=2038>, 12/8/2023.
9. Khoa Điều Dưỡng và Kỹ Thuật Y Học, trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch (2023), “Ban hành chương trình đào tạo đại học ngành Điều dưỡng của trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch”, <https://kddktyh.pnt.edu.vn/vi/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/chuong-trinh-cu-nhan/#1699603138408-a5aa2124-d379>, 25/8/2023.
10. Khoa Điều Dưỡng, trường ĐH Nguyễn Tất Thành (2021), “Chương trình đào tạo Điều dưỡng trình độ đại học” <https://ntt.edu.vn/chuyen-nganh-dieu-duong-da-khoa/>, 25/8/2023.